SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Thời gian ký: 04/05/2024 10:22:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1073/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 03 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1574/SKHĐT-TH ngày 25/4/2024 về việc trình dự thảo Quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch của 01 dự án: **75.637,494** triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch của 16 dự án: **75.637,494** triệu đồng. *Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương: **75.637,494** triệu đồng.*

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ thông báo chỉ tiêu vốn hằng năm của trung ương, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công hằng năm cho các dự án phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định này.

2. Giao Kho bạc Nhà nước Nghệ An kiểm soát việc giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn được giao tại Quyết định này.

3. Giao các Chủ đầu tư chủ động rà soát, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan để giải ngân kịp thời khi có quyết định giao vốn hàng năm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu báo cáo, đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố, thị xã; các Chủ đầu tư, Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Ngũ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thanh An

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án hệ thống Đầu tư công	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
	Tổng số					**2.179.700**	**2.109.195**	**100.000**		**75.637,494**	**75.637,494**	**75.637,494**	**100.000**	**75.637,494**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**					**161.292**	**90.787**				**55.707,187**	**55.707,187**	**55.707,187**	**55.707,187**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					**161.292**	**90.787**				**55.707,187**	**55.707,187**	**55.707,187**	**55.707,187**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**					**89.055**	**18.550**				**36.707,187**	**36.707,187**	**36.707,187**	**36.707,187**	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					***89.055***	***18.550***				***36.707,187***	***36.707,187***	***36.707,187***	***36.707,187***	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Mài, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương	56427	7422856	UBND huyện Đô Lương	4310/QĐ-UBND.NN 26/9/2013	18.550	18.550				12.000	12.000	12.000	12.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Vĩnh, xã Nghĩa Mỹ	56428	7438536	UBND thị xã Thái Hòa	6041/QĐ.UBND-ĐTXD 16/12/2013; 7511/QĐ-UBND.NN 30/12/2014	25.114					11.987,187	11.987,187	11.987,187	11.987,187	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Trang, xã Trung Thành	56429	7438729	UBND huyện Yên Thành	5867/QĐ-UBND 09/12/2013	21.084					9.920	9.920	9.920	9.920	
4	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa Khe Hạc, xã Bảo Thành	56432	7447413	UBND xã Bảo Thành, huyện Yên Thành	QĐ 2640/QĐ-UBND-NN,ĐN 16/06/2010	24.307					2.800	2.800	2.800	2.800	
b	**Dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**					**28.651**	**28.651**				**8.000**	**8.000**	**8.000**	**8.000**	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					***28.651***	***28.651***				***8.000***	***8.000***	***8.000***	***8.000***	
1	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Nhà Trò, huyện Yên Thành	56431	7443902	UBND xã Tân Thành, huyện Yên Thành	6744/UBND.NN 26/9/2013, 220/QĐ-UBND 23/1/2019 (QT)	28.651	28.651				8.000	8.000	8.000	8.000	
c	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**					**43.586**	**43.586**				**11.000**	**11.000**	**11.000**	**11.000**	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020					***43.586***	***43.586***				***11.000***	***11.000***	***11.000***	***11.000***	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bà Tùy, huyện Quỳnh Lưu	56430	7443901	UBND xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	1966/QĐ.UBND-NN 02/6/2011, 5742/QĐ-UBND 27/12/2018 (QT)	43.586	43.586				11.000	11.000	11.000	11.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án hệ thống Đầu tư công	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
II	**Giao thông**					**2.018.408**	**2.018.408**	**100.000**		**75.637,494**	**19.930,307**	**19.930,307**	**44.292,813**	**19.930,307**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					**2.018.408**	**2.018.408**	**100.000**		**75.637,494**	**19.930,307**	**19.930,307**	**44.292,813**	**19.930,307**	
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**					**1.917.908**	**1.917.908**				**19.930,307**	**19.930,307**	**19.930,307**	**19.930,307**	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					**1.917.908**	**1.917.908**				**19.930,307**	**19.930,307**	**19.930,307**	**19.930,307**	
1	Đường chạy lũ và CHCN 4 xã Hợp thành, Văn thành, phúc thành và hậu thành - Yên thành	56417	7059390	UBND huyện Yên Thành	809 16/3/2009 5569 18/11/2010	71.836	71.836				600	600	600	600	
2	Đường từ thị trấn Tân Kỳ đi xã Nghĩa Hợp- Tân Kỳ	56418	7163894	UBND huyện Tân Kỳ	1613 20/4/2010 1684 18/5/2011	110.000	110.000				600	600	600	600	
3	Đường cứu hộ cứu nạn trong vùng mưa lũ từ Khe Thung xã Nghĩa thuận đi tân ấp xã Nghĩa Hòa - TX Thái Hòa	56419	7269194	UBND thị xã Thái Hòa	5618 22/11/2010	178.644	178.644				5.000	5.000	5.000	5.000	
4	Đường cứu hộ cứu nạn các xã Diễn Trung, Diễn An, Diễn Phú, Diễn Lộc và Diễn Lợi - Diễn Châu	56420	7276699	UBND huyện Diễn Châu	5760 30/11/2010	163.124	163.124				1.000	1.000	1.000	1.000	
5	Đường cứu hộ cứu nạn cho vùng tả ngạn Sông lam qua các xã Bồng khê, Chi Khê, Cam Lâm & Lạng Khê- Con cuông	56421	7276701	UBND huyện Con Cuông	6276 23/12/2010	446.033	446.033				5.000	5.000	5.000	5.000	
6	Đường cứu hộ cứu nạn cho các xã Quế Sơn, Mường nọc và châu kim - Quế phong	56422	7276702	UBND huyện Quế Phong	5634 23/11/2010	121.459	121.459				700	700	700	700	
7	Đường CHCN tuyến Diễn Hải đi Diễn thịnh - Diễn châu	56423	7276867	UBND huyện Diễn Châu	5971 10/12/2010	250.871	250.871				1.500	1.500	1.500	1.500	
8	Đường cứu hộ cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du Sông cả	56424	7278379	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094 04/10/2011 968 29/3/2012	191.660	191.660				2.630,307	2.630,307	2.630,307	2.630,307	
9	Đường cứu hộ cứu nạn bờ tả Sông Sở, xã Phú thành đi dọc kênh vách bắc đến Sông Bàu chèn, xã Liên thành huyện Yên thành	56425	7278887	UBND huyện Yên Thành	5965 10/12/2010	167.308	167.308				1.000	1.000	1.000	1.000	
10	Đường cứu hộ cứu nạn tả ngạn Sông Con xã Đỉnh Sơn đến xã Bình sơn	56426	7280201	UBND huyện Anh Sơn	5619 22/11/2010	216.973	216.973				1.900	1.900	1.900	1.900	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án hệ thống Đầu tư công	Mã QHNS	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
b	**Dự án khởi công trong giai đoạn 2021-2025**					**100.500**	**100.500**	**100.000**		**75.637,494**			**24.362,506**		
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					***100.500***	***100.500***	***100.000***		***75.637,494***			***24.362,506***		
1	Đường gom đường sắt Bắc Nam đoạn thành phố Vinh - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	2721	7587758	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	73/QĐ-HĐND 27/10/2015 CTĐT; 19/NQ-HĐND 13/5/2021 ĐC CTĐT 5323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	100.500	100.500	100.000		75.637,494			24.362,506		